

Bản án số: 01/2018/HC-PT

Ngày: 05 - 01 - 2018

V/v khởi kiện quyết định hành chính

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hồ Minh Tấn

*Các Thẩm phán:*

Ông Chung Văn Kết

Ông Nguyễn Thành Lập

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Ngô Văn Đen là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 05/2017/TLPT-HC ngày 19 tháng 10 năm 2017 về việc “Khởi kiện quyết định hành chính”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2017/HC-ST ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 05/2017/QĐ-PT ngày 27 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

*- Người khởi kiện:* Bà Bào Thị M, sinh năm 1933 (đã chết).

Địa chỉ: Khóm 9, thị trấn T, T, tỉnh Cà Mau.

*Người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện:*

1. Ông Hoàng Văn Q, sinh năm 1962. Địa chỉ: Khóm 9, thị trấn T, T, tỉnh Cà Mau.

2. Bà Nguyễn Kim D, sinh năm 1953. Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn Đ, T, tỉnh Cà Mau.

3. Bà Hoàng Thị B, sinh năm 1963 . Địa chỉ: Đường P, khóm 8, phường 8, thành phố M, tỉnh Cà Mau.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Q, bà D , bà B:* Ông Nguyễn Thành S – Sinh năm 1980 (Có mặt). Địa chỉ: Đường T, xã L, thành phố M, tỉnh Cà Mau.

*- Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện T .

Địa chỉ: Khóm 9, thị trấn T, T, tỉnh Cà Mau.

*Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện T :*

Ông Trần Tấn C - Chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T . Địa chỉ: Khóm 9, thị trấn T, T, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:*

Ông Võ Thanh B, sinh năm 1968. (Có mặt).

Địa chỉ: Khóm 9, thị trấn T, T, tỉnh Cà Mau

Ông Nguyễn Minh U, sinh năm 1969. (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp 8, xã Đ, T, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Tống Ánh Ng, sinh năm 1971. Địa chỉ: Xã L, thành phố M, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

2. Anh Hoàng Đăng Q1, sinh năm 1996. Địa chỉ: Xã L, thành phố M, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Thanh S - Đại diện theo ủy quyền của những người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:* Vào năm 1985, bà Bào Thị M được Ủy ban nhân dân huyện T cấp phần đất ngang 15m, dài 32m, diện tích 480m<sup>2</sup>. Trong đó đất xây dựng nhà ở 90,54m<sup>2</sup> đất sân và đất vườn 389,46m<sup>2</sup>, do không đủ diện tích để ở nên bà M xây dựng thêm phòng khách diện tích 14,40m<sup>2</sup>, phòng ngủ diện tích 15,1m<sup>2</sup> và cất nhà cặp bên để cho thuê diện tích 66,8m<sup>2</sup>. Ngày 11 tháng 02 năm 2014 Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2014 thu hồi diện tích đất 400,9m<sup>2</sup> của hộ bà Bào Thị M, thường trú: Khóm 9, thị trấn T, T. Loại đất thu hồi, đất ở đô thị 46,0m<sup>2</sup> và 354,9m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm. Lý do thu hồi để giải phóng mặt bằng công trình duy tu, sửa chữa đoạn từ cầu Dây Văng đến cầu Rạch Ráng, khóm 9, thị trấn T. Ông Hoàng Văn Q đã nhận xong tiền bồi thường theo bản triết tính của Ủy ban nhân dân huyện T. Tuy nhiên việc bồi thường chưa thỏa đáng nên yêu cầu: Yêu cầu 300m<sup>2</sup> đất ở cho hộ bà Bào Thị M; không đồng ý trừ 30m<sup>2</sup> đất đã hiến làm lộ; bồi thường theo giá đất năm 2014; không trừ 40% tiền sử dụng đất. Người khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân huyện T.

*Đại diện Ủy ban nhân dân huyện T trình bày:* Thực hiện dự án duy tu, sửa chữa đoạn đường từ cầu Dây Văng đến cầu Rạch Ráng, ngày 10 tháng 6 năm 2013 Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 155/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất 146,6m<sup>2</sup> của hộ ông Hoàng Văn Q, thường trú: khóm 9, thị trấn T, T. Loại đất thu hồi, đất ở đô thị 46,0m<sup>2</sup> và 100,6m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm. Ngày 11 tháng 02 năm 2014 Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 41/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất 400,9m<sup>2</sup> của hộ bà Bào Thị M, thường trú: khóm 9, thị trấn T, T. Loại đất thu hồi, đất ở đô thị 46,0m<sup>2</sup> và 354,9m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm, thay thế Quyết định số 155/QĐ-UBND T vì Quyết định số 155/QĐ-UBND không đúng đối tượng bị thu hồi đất, diện tích thu hồi. Phương án bồi thường hỗ trợ, được Chủ tịch UBND T phê duyệt tại Quyết định số 2580/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2013 và Quyết định số 373/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2014, ông Hoàng Văn Q đại diện cho bà Bào Thị M đã nhận xong tiền bồi thường.

Nay người khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân huyện T với lý do khi thu hồi đất không xét 300m<sup>2</sup> đất ở cho hộ bà Bào Thị M; trừ 30m<sup>2</sup> đất bà M đã hiến làm lộ; bồi

thường theo giá đất năm 2014; không đồng ý trừ 40% tiền sử dụng đất là không có cơ sở.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tống Ánh Ng trình bày:* Nhà và đất tại khóm 9, thị trấn T, T được Nhà nước cấp cho cha mẹ chồng bà là ông Hoàng La B và bà Bào Thị M khoảng năm 1986 (ông B, bà M đã chết) khi bà được cưới về thì nhà và đất đã có sẵn, nhà và đất là của ông B, bà M, nay ông B, bà M đã chết, Nhà nước thu hồi đất để làm lộ, bồi thường thì chồng bà Ng (ông Q) và chị chồng, em chồng bà Ng là người được hưởng thừa kế, yêu cầu, khiếu nại, khởi kiện. Bà Ng không có yêu cầu hoặc có ý kiến gì.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Đăng Q1 trình bày:* Ông Hoàng La B, bà Bào Thị M là ông nội, bà nội của anh Q1. Ông B, bà M được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà - đất tại khóm 9, thị trấn T, T. Nhà nước giải tỏa làm lộ nhưng bồi hoàn chưa đúng pháp luật, bà M khởi kiện vụ án hành chính, mọi liên quan đến tôi xin Tòa án xét xử theo quy định.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện T ông Nguyễn Minh U, ông Võ Thanh B trình bày:* Thống nhất nội dung trình bày của người đại diện theo ủy quyền của UBND T. Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2014 là đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

Đối với yêu cầu xác định 300m<sup>2</sup> đất ở cho hộ bà Bào Thị M. Theo quy định tại Điều 1 của Quyết định số 02/2010/QĐ-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2010 của UBND tỉnh Cà Mau quy định hạn mức đất ở giao cho mỗi hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng nhà ở đối với trường hợp chưa đủ điều kiện để giao đất ở theo dự án đầu tư xây dựng nhà ở trên địa bàn tỉnh Cà Mau như sau: Các thị trấn thuộc huyện mức tối thiểu là 48m<sup>2</sup> và mức tối đa là 200m<sup>2</sup>.

Đối với việc không đồng ý trừ 30m<sup>2</sup> đất bà M đã hiến làm lộ trước đây (khoảng năm 2006) Nhà nước vận động để dân hiến đất, không bồi thường, sau khi thu hồi đất, hộ bà M không có yêu cầu gì.

Đối với yêu cầu bồi thường theo bảng giá đất năm 2014. Đất của hộ bà Bào Thị M bị thu hồi theo Quyết định số 155/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân huyện T và Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân huyện T và đã lập phương án bồi thường hỗ trợ, được Chủ tịch UBND T phê duyệt tại Quyết định số 2580/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2013 và Quyết định số 373/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2014. Như vậy thực hiện dự án duy tu, sửa chữa đoạn đường từ cầu Dây Văng đến cầu Rạch Ráng, hộ bà Bào Thị M đã bị thu hồi đất vào năm 2013, nên áp dụng theo giá đất tại thời điểm thu hồi đất năm 2013 để bồi thường.

Đối với yêu cầu không trừ 40% tiền sử dụng đất. Ủy ban nhân dân huyện T đã xin ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện T tỉnh Cà Mau. Tại công văn 07 ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân huyện T tỉnh Cà Mau về việc bồi thường, hỗ trợ về đất cho hộ bà Bào Thị M. Theo công văn thì trường hợp của hộ bà Bào Thị M phải trừ đi tiền sử dụng đất phải nộp 40% giá trị đất.

*Từ nội dung trên, bản án sơ thẩm số 01/2017/HC-ST ngày 14/9/2017 của Toà án nhân dân T quyết định:*

Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Bào Thị M (người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện ông Hoàng Văn Q, bà Nguyễn Kim D, bà Hoàng Thị B) yêu cầu hủy Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân huyện T .

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lệ phí và thông báo cho đương sự biết quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Ngày 25/9/2017, đại diện theo ủy quyền của phía người khởi kiện kháng cáo, nội dung: Đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử lại vụ kiện theo thủ tục phúc thẩm theo hướng sửa bản án hành chính sơ thẩm số 01/2017/HC-ST ngày 14/9/2017 của Toà án nhân dân T, chấp nhận khởi kiện của bà Bào Thị M là hủy Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân huyện T .

Tại phiên tòa đại diện người khởi kiện giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Kiểm sát viên phát biểu về việc chấp hành pháp luật tố tụng và đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm, hủy quyết định hành chính số 41/QĐ-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân huyện T .

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Thực hiện dự án duy tu, sửa chữa đoạn đường từ cầu Dây Văng đến cầu Rạch Ráng, ngày 10 tháng 6 năm 2013 Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 155/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất 146,6m<sup>2</sup> của hộ ông Hoàng Văn Q, thường trú: Khóm 9, thị trấn T, T. Trong đó, đất ở đô thị 46,0m<sup>2</sup> và 100,6m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm. Ngày 11 tháng 02 năm 2014 Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 41/QĐ-UBND thay cho Quyết định số 155/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất 400,9m<sup>2</sup> của hộ bà Bào Thị M, thường trú: Khóm 9, thị trấn T, T. Trong đó, đất ở đô thị 46,0m<sup>2</sup> và 354,9m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm vì Quyết định số 155/QĐ-UBND thu hồi không đúng đối tượng và diện tích. Phương án bồi thường hỗ trợ, được Chủ tịch UBND T phê duyệt tại Quyết định số 2580/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2013 và Quyết định số 373/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2014, ông Hoàng Văn Q đại diện cho bà Bào Thị M đã nhận xong tiền bồi thường.

[2] Hội đồng xét xử thấy rằng: Quyết định hành chính số 41/QĐ-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân huyện T về thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Quyết định hành chính số 41/QĐ-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc thu hồi của bà Bào Thị M 400,9m<sup>2</sup> đất, trong đó đất ở là 46,0m<sup>2</sup> và 354,9m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm. Theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà - đất của bà M được Ủy ban nhân dân T cấp tổng diện tích 480m<sup>2</sup>, trong đó đất thực tế đã xây dựng nhà là 90,54m<sup>2</sup>, đất sân, vườn là 389,46m<sup>2</sup>.

Tại khoản 2 Điều 2 Quyết định số 02/2010/QĐ-UBND ngày 05/01/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc quy định hạn mức đất ở cho mỗi hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng nhà ở và hạn mức công nhận đất ở đối với thửa đất

có vườn, ao trên địa bàn tỉnh Cà Mau thì: Trường hợp thửa đất có ao vườn, ao được sử dụng từ ngày 18/12/1980 đến trước ngày 01/7/2004 và người sử dụng đất có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1,2 và 5 Điều 50 Luật Đất đai mà trong giấy tờ đó có ghi rõ diện tích đất ở thì diện tích đất có vườn, ao được xác định theo giấy tờ đó.

Như vậy, đối chiếu với quy định trên thì trong giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà, đất của bà M đã có ghi rõ diện tích đất ở là 90,54m<sup>2</sup>, đất sân, vườn là 389,46m<sup>2</sup>. Khi bị thu hồi 46m<sup>2</sup> thì diện tích đất ở còn lại là 44,54m<sup>2</sup>. Việc yêu cầu của bà M về việc tính diện tích đất ở 300m<sup>2</sup> là không có cơ sở chấp nhận. Do đó, về mặt nội dung của Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 11 tháng 2 năm 2014 của Ủy ban nhân dân T đúng với quy định của pháp luật, không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà M. Án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà M là có căn cứ.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện người khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 11 tháng 2 năm 2014 và Quyết định số 373/QĐ-UBND ngày 10/03/2014 của Ủy ban nhân dân T. Xét thấy, tại cấp sơ thẩm người khởi kiện chỉ yêu cầu hủy Quyết định số 41 ngày 11/2/2014 và Tòa án cấp sơ thẩm xem xét trong phạm vi khởi kiện nên cấp phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu này của đại diện phía người khởi kiện. Nếu sau này còn thời hiệu thì người khởi kiện có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[4] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm, hủy quyết định hành chính số 41/QĐ-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân huyện T là không có cơ sở để chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 193; khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của phía người khởi kiện.

Giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 01/2017/HC-ST ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân T.

Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về việc hủy Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân T.

Án phí hành chính sơ thẩm ông Q, bà D, bà B phải chịu 200.000 đồng, Ủy ban nhân dân huyện T không phải chịu án phí, bà M có nộp tạm ứng án phí 200.000 đồng, theo biên lai thu số 0004481 ngày 07 tháng 01 năm 2015 tại Chi cục Thi hành án dân sự T được chuyển thu.

Án phí phúc thẩm người khởi kiện phải chịu 300.000 đồng, ngày 25/9/2017 đã dự nộp 300.000 đồng theo lai số 0007317 tại Chi cục Thi hành án dân sự T được chuyển thu.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân T;
- Chi cục THADS T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã Ký)**

**Hồ Minh Tấn**